

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ L  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2022/DS-ST  
Ngày 24-8-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Khoa Thi.

Ông Trần Ngọc Toàn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 314/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Dư Thị Kim P, sinh năm 1981 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 113 Lê Trọng Tấn, tổ 14, khóm Đông Thịnh 8, phường MP, thành phố L, tỉnh An Giang.

***- Bị đơn:*** Bà Dương Thị Ngọc T, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 85/15, khóm Đông Thịnh 8, phường MP, thành phố L, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 17/4/2022 nguyên đơn bà Dư Thị Kim P trình bày:*

Ngày 30/9/2021, bà Dương Thị Ngọc T có ký biên nhận vay của bà số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 0,2%/ngày, mục đích để đáo hạn ngân

hàng, hạn 02 ngày sau sẽ trả đủ vốn và lãi. Vay có làm biên nhận do bà T tự viết. Kể từ ngày vay đến nay bà T chưa trả vốn, lãi. Bà đã nhiều lần nhắc nhở, bà T hứa trả nhưng vẫn không trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết:

- Buộc bà Dương Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn gốc là 400.000.000 đồng.

- Buộc bà Dương Thị Ngọc T phải trả lãi từ ngày 01/10/2021 đến ngày hòa giải (13/7/2022) là 9 tháng 12 ngày, theo mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 400.000.000 đồng x 9 tháng 12 ngày x 10%/năm = 31.333.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 431.333.000 đồng. Và yêu cầu bà T phải tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày trả xong nợ.

Bị đơn bà Dương Thị Ngọc T vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

*Tại phiên tòa:*

Tại đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu bà T phải trả vốn 400.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/10/2021 đến ngày hòa giải là ngày 13/7/2021 là 9 tháng 12 ngày, với mức lãi suất 10%/năm, yêu cầu tiếp tục tính lãi từ sau ngày hòa giải là ngày 14/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả nợ xong theo mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn bà Dương Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn bà Dương Thị Ngọc T Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như bà T đã từ bỏ quyền của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng cho mượn tiền ngày 30/09/2021 có ghi số tiền vay, không ghi lãi suất, không ghi thời hạn vay. Nhưng theo lời khai của nguyên đơn là hợp đồng vay có lãi 0,2%/ngày, hạn 02 ngày sau sẽ trả đủ vốn và lãi. Tòa án có tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thông báo kết quả công khai chứng cứ nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hoặc phản tố lại đối với yêu cầu và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà P và bà T có xác lập hợp đồng vay có lãi và vay có kỳ hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích

hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ vốn và lãi là có căn cứ phù hợp quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Hợp đồng cho mượn tiền ngày 30/9/2021; Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bà T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn thành phố L, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Dư Thị Kim P có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn bà Dương Thị Ngọc T: Tại Biên bản xác minh tình trạng cư trú của bà T thể hiện bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa bàn phường MP, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 và Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đúng quy định mà vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Dư Thị Kim P cho bà Dương Thị Ngọc T vay số tiền 400.000.000 đồng. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Hợp đồng cho mượn tiền ngày 30/9/2021.

[2.1] Về xác định chứng cứ trong vụ án: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bà T có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng chứng cứ kèm theo là Hợp đồng cho mượn tiền do bà T tự viết, nhưng bà T không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp Hợp đồng cho mượn tiền ngày 30/9/2021 là chứng cứ để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận định: tại Hợp đồng cho mượn tiền ngày 30/9/2021 thể hiện có chữ ký, chữ viết của bà T. Theo đó, bà T có vay của bà P số tiền 400.000.000 đồng, không ghi lãi suất,

không ghi thời hạn vay, nhưng bà P thừa nhận lãi suất cho vay là 0,2%/ngày, hạn 02 ngày sau sẽ trả đủ vốn và lãi, cho thấy đây là hợp đồng vay có lãi, vay có thời hạn.

Xét, giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Do bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn, lãi là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền lãi được tính cụ thể theo yêu cầu của nguyên đơn như sau: Từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2022 là 10 tháng 24 ngày:

$400.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 36.000.000 \text{ đồng}.$

\* Tổng cộng vốn, lãi là  $400.000.000 \text{ đồng} + 36.000.000 \text{ đồng} = 436.000.000 \text{ đồng}.$

Buộc bà T phải trả cho bà P số tiền vốn, lãi tính đến ngày 24/8/2022 là 436.000.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền bị buộc trả (436.000.000 đồng).

Với yêu cầu được chấp nhận bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dư Thị Kim P đối với bị đơn bà Dương Thị Ngọc T: Buộc bà Dương Thị Ngọc T phải có nghĩa

vụ trả cho bà Dư Thị Kim P số tiền vốn, lãi tổng cộng là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi thi hành án xong thì tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi cho bên được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (lãi suất 10%/năm).

## 2. Về án phí:

Bà Dương Thị Ngọc T phải chịu 21.440.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Dư Thị Kim P được nhận lại 10.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001301 ngày 23/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Toàn   Đặng Khoa Thi**

**Lê Thị Hồng Thi**

